

PHỤ LỤC I.01: AN LÃO

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN AN LÃO
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú
I	XÃ AN TRUNG			0,600	0,600	0,000	0,000	0,000	
1	Đường BTNT từ Hồ Đèo Cạnh đến Đồng Trưa	Nhà ông Roát	Đồng Trưa		0,600				
II	XÃ AN QUANG			5,681	1,000	4,591	0,090	0,000	
1	Bê tông hóa đường GTNT từ thôn 3 đến thôn 4	Nhà ông Lý	Nhà ông Đào			0,260			
2	Đường bê tông GT nội đồng từ trục đường liên xã đến đập nước lã (Đoạn nối tiếp)	Đường liên xã	Đập nước Lã			0,400			
3	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ đồng Máy đến đồng Bo (Đoạn nối tiếp)	Đồng Máy	Đồng Bo			1,000			
4	Làm mới đường GT Nội đồng từ trường Mẫu giáo đến đồng ôi (Đoạn nối tiếp)	Đường liên xã	Đồng Ôi			0,500			
5	Đường BTNT đoạn từ nhà ông Hải - Nhà văn hoá thôn	Nhà văn hoá	Nhà ông Hải				0,090		
6	Đường BTNT đoạn nghĩa địa thôn Tân Lập	Đường bê tông	Nghĩa Địa			0,040			
7	Đường BTNT đoạn từ nhà ông Cát - Đường bê tông	Đường bê tông	Nhà ông Cát			0,055			
8	Đường BTNT Hóc Xoài- Đập Bờ bạn (đoạn nối tiếp)	Hóc Xoài	Đập Bờ Ban			1,000			
9	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Thuận An (đoạn nối tiếp)	Trường Mẫu Giáo	Nhà Ông Ân			1,000			
10	Nâng cấp đường nội bộ thôn Tân An (đoạn nhà ông Phước đến nhà bà Chuẩn)	Nhà Ông Phước	Nhà Bà Chuẩn		1,000				
11	Đường Gò Đồn - Cây Hào	Gò Đồn	Cây Hào			0,300			
12	Đường nghĩa địa thôn Thanh Sơn	Đường bê tông	Giồng Đốt			0,036			
III	THỊ TRẤN AN LÃO			0,700	0,000	0,700	0,000	0,000	
1	Đường nghĩa địa vào Gò Thị	Đường BT	Nghĩa địa			0,700			
IV	XÃ AN DŨNG			0,500	0,000	0,500	0,000	0,000	
1	Đường bê tông nội đồng từ nhà ông Hiệp đến ruộng ông Ba	Nhà ông Hiệp	Ruộng ông Ba			0,500			
V	XÃ AN HÒA			1,250	0,000	1,250	0,000	0,000	
1	Thôn Long Hòa: Tuyến từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Giới	Nhà ông Hoàng	Nhà ông Giới			0,120			
2	Thôn Vạn Khánh: Đường BTXM vào Khu dân cư vườn Duyên	Giáp đường liên thôn Vạn Khánh - Vạn Xuân	Cuối khu dân cư			0,530			
3	Thôn Xuân Phong Nam: Đường BTXM vào Khu dân cư Cây Khế	Giáp đường bê tông hiện trạng	Cuối khu dân cư			0,600			
VII	XÃ AN HƯNG			4,200	0,700	3,000	0,500	0,000	
1	BTNT các tuyến ngõ xóm các thôn	Đường 5B	Nhà dân				0,500		
2	BTNT tuyến nội bộ thôn 4	Đường thôn	Nhà ông Giáp			0,500			
3	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 5	5B	nhà dân			0,300			
4	Bê tông tuyến nội bộ thôn 1	Đường thôn	Hộ dân			0,600			
5	Bê tông đường nội đồng đồng lớn thôn 4					0,300			
6	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 1 Tuyến từ Nhà bà Liễu đến Gò Róc	5B	Đường BT		0,700				

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Ghi chú
7	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khu giãn dân thôn 4	Đường thôn	Nhà ông Giáp			0,700			
8	BTNT tuyến nội đồng thôn 1, thôn 3, thôn 5	5B	Ruộng			0,600			
VIII	BAN QLDA ĐTXD&PTQĐ HUYỆN			3,776	2,176	1,600	0,000	0,000	
1	Đường từ Thôn 1 đến ruộng Ram, An Toàn	Cuối làng thôn 1	Giáp ruộng Ram			1,600			
2	Đường giao thông liên xã từ thôn 3 đến giáp Ba Trang Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	Cuối làng thôn 3	Giáp mốc địa chính giữa huyện An Lão và huyện Ba Tơ		2,176				
Tổng cộng :				16,707	4,476	11,641	0,590	0,000	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

16,707 Km

4,476 Km

11,641 Km

0,590 Km

0,000 Km

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

2.724,551 Tấn

886,248 Tấn

1.781,073 Tấn

57,230 Tấn

0,000 Tấn